| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN ĐỀ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG**<br>Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 17/9/2024<br>Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Đức Chương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hoàng Việt;

2. Ông Thạch Văn Mến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Khánh Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Danh T, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Năm 2015, chị Trần Thị H kết hôn cùng anh Danh T; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại ấp G, xã L, huyện T. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng chị H đã có 02 con chung là cháu Danh Thị H (Nữ), sinh ngày 01/01/2012 và Danh T (Nam), sinh ngày 28/5/2016.

Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, các bên không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc; từ năm 2018, chị H đã trở về ấp B, xã T và không còn sống chung với anh T Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung do cháu H, cháu T đều có nguện vọng sống với cha; tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng/cháu (Mỗi tháng cấp dưỡng một triệu đồng cho một người con).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Bản sao Căn cước công dân của chị H, anh T; bản sao Trích lục kết hôn của anh T với chị H, Giấy khai sinh của cháu H và cháu T; Đơn xác nhận về cư trú của các đương sự; Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ; Đơn đề nghị không hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Đối với bị đơn là anh Danh T: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T được tống đạt Thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 06/9/2024, bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, điều kiện của các đương sự; sức khỏe, học tập của cháu H với cháu T. Chị H, anh T đều không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh T; giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ghi nhận chị H cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị H yêu cầu ly hôn với anh T và giải quyết quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Trích lục kết hôn của anh T với chị H, Giấy khai sinh của cháu H và cháu T; Đơn xác nhận về cư trú cũng như việc không phản đối của anh T và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị H về kết hôn với anh T, được Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng có 02 con chung là sự thật. Cho nên, chị H và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, đã khoảng 06 năm nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội nhưng chị H và anh T không sống chung; không cùng nhau chăm sóc các con. Như vậy, chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; không còn thương yêu, tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H ly hôn với anh T.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu H và cháu T đều đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, đã liên tục sống cùng anh T và phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ, được học tập ổn định; chính quyền địa phương không nhận được yêu cầu nào về hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ các cháu; chị H đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu.

Xét, anh T đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình, một mình nuôi con từ năm 2018 và việc bày tỏ nguyện vọng của 02 cháu là tự nguyện.

Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt được tốt hơn, tránh sự xáo trộn môi trường sống, học tập của 02 cháu thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Trên cơ sở anh T không phản đối về mức cấp dưỡng, theo ý chí tự nguyện của chị H; căn cứ nhu cầu thiết yếu về nuôi dưỡng, học tập của cháu H và cháu T, Hội đồng xét xử nhận định mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần là phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện cuộc sống thực tế tại địa phương. Mức cấp dưỡng này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, bởi anh T có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV; chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

***Tuyên xử:***

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Danh T.

**2.** Về quyền nuôi con chung:

Giao cho anh Danh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Danh Thị H (Nữ), sinh ngày 01/01/2012 và Danh T (Nam), sinh ngày 28/5/2016.

Trong thời gian anh T nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu T, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

**3.** Về cấp dưỡng:

Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H và cháu T, cấp dưỡng định kỳ 1.000.000 đồng/tháng/cháu (Mỗi tháng một triệu đồng cho một người con) đến khi cháu H, cháu T thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

**4.** Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**5.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Trần Thị H phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0004131 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Như vậy, chị H còn phải nộp bổ sung số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

**6.** Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Danh T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Liêu Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

**CHU ĐỨC CHƯƠNG**